TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **TP. HÀ NỘI** **- - - *&*- - -**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **- - - - - - - - - **&** - - - - - - - - -**

Bản án số: **03**/2018/HS-ST
Ngày: 10.01.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Đào Thị Đoan.**

Bà: **Trương Thị Thanh Nhàn.**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Vũ Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa**: Bà **Đỗ Thị Tố Uyên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10.01.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 234/2017/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2017/QĐXXST-HS ngày 29.12.2017 đối với các bị cáo:

Nguyễn Đức M, sinh năm 1994, tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tvà bà Tạ Thị Y; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam: Không.

Có mặt.

Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam: Không.

Có mặt.

- Bị hại: Anh ***Nguyễn Trung K*** – sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn X , xã T , huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị ***Hoàng Thị L***– sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H , xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Vắng mặt : Anh K , chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức M và anh K đều là thợ sơn làm thuê cho anh Nguyễn Văn T, quá trình làm việc cả M và anh K đều ăn ngủ tại nhà anh T ở thôn X , xã T, huyện Sóc Sơn. Khi làm cùng nhau thì M biết anh K sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A7 màu vàng nhạt, anh K có nói cho M biết mật khẩu mở khóa màn hình của điện thoại.

Tối ngày 13.7.2017, anh K và M ngủ chung một giường. Đến khoảng 21 giờ M thấy anh K ngủ say để điện thoại đầu giường. Do biết mật khẩu nên M lấy điện thoại của anh K để xem thông tin trên mạng và nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại. M chờ đến khoảng 2 giờ sáng ngày 14.7.2017, lúc này mọi người đã ngủ say, M lục túi quần anh K lấy được 260.000đ cùng điện thoại rồi trèo tường đi bộ ra đường Quốc lộ 3 đón xe ô tô Bus đến quán Internet A ở thôn B , xã T , huyện Sóc Sơn để chơi game. Đến khoảng 19 giờ ngày 15.7.2017 M gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H bảo đến để đi cầm cố điện thoại cho M . Đến khoảng 24 giờ ngày 15.7.2017 H đến, M nói cho H biết việc trộm cắp điện thoại của của anh K và cùng H đi cầm cố điện thoại nhưng không có cửa hàng nào mở cửa nên cả hai đi về. Đến khoảng 8 giờ ngày 16.7.2017 do hết tiền nên M gọi điện thoại cho H bảo đến quán Internet A mang chiếc điện thoại của anh K đi cầm cố. H mang điện thoại Samsung Galaxy A7 đến cửa hàng T tại phố N, xã T do chị L làm chủ, sau khi xem điện thoại chị L đồng ý cầm cố điện thoại với giá 2.000.000đ, chị L tháo sim điện thoại trả cho H. Sau khi lấy được tiền H trả đủ cho M 2.000.000đ và sim điện thoại. M trả thay cho H tiền chơi game hết 260.000đ, số tiền còn lại M tiêu dùng cá nhân hết. Sau khi mất điện thoại anh K đã trình báo Công an huyện Sóc Sơn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 175 ngày 06.9.2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Sóc Sơn xác định chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 của anh K có giá trị là 3.139.800đ.

Về dân sự: Anh K đã nhận lại điện thoại, anh không yêu cầu M phải bồi thường 260.000đ và sim điện thoại. Chị L khi nhận cầm cố điện thoại không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này, chị cũng không yêu cầu các bị can phải trả lại chị số tiền 2.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 198/CT-VKS ngày 20.11.2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Nguyễn Đức M về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 138, truy tố Nguyễn Văn H về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát huyện Sóc Sơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Đức M phạm tội Trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn H phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng Khoản 1 Điều 138 Bộ

luật hình sự 1999 (Nay là Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015), Điểm b-h-i-s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt Nguyễn Đức M từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng. Áp dụng Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự (Nay là Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015), Điểm b-h-i-s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt Nguyễn Văn H từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do các bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập thấp.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Truy thu số tiền 2.260.000đ trong đó kỉ phần của bị cáo M là 1.760.000đ, bị cáo H là 500.000đ. Ghi nhận bị cáo M đã nộp 1.500.000đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Điều tra viên Công an huyện Sóc Sơn đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 2 giờ sáng ngày 14.7.2017, tại nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn X, xã T , huyện Sóc Sơn, Nguyễn Đức M đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh K gồm 260.000đ và 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 trị giá 3.139.800đ, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.399.800đ nên hành vi của Nguyễn Đức M đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999, điều khoản này quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, ngoài ra người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng theo Khoản 5 Điều 138.

[3] Đối với Nguyễn Văn H biết rõ chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 là do M trộm cắp của người khác nhưng vẫn đồng ý mang điện thoại đi cầm cố được 2.000.000đ, sau đó H được M chi trả 500.000đ tiền chơi Game từ số tiền đi cầm cố điện thoại, như vậy hành vi của Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Khoản 1 Điều 250 – Bộ luật hình sự năm 1999, điều khoản này quy định phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc

phạt tù từ sáu tháng đến ba năm, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng theo Khoản 5 Điều 250- BLHS.

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Đối với bị cáo M: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, tuy nhiên bản thân bị cáo là người ham mê chơi điện tử, không chịu lao động chân chính, lợi dụng sự tin tưởng và việc ăn ngủ cùng với người bị hại cũng là bạn và là người cùng đi làm thuê như mình để trộm cắp tài sản thì hành vi của bị cáo không những là vi phạm pháp luật mà còn là vi phạm đạo đức nên cần thiết phải xử hình phạt tù, do bị cáo có nhân thân tốt, trị giá tài sản trộm cắp không lớn nên cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Đối với bị cáo H: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, tuy nhiên bản thân bị cáo là người ham mê chơi điện tử nên biết tài sản do người khác phạm tội mà có bị cáo vẫn mang đi tiêu thụ với mục đích cũng được hưởng lợi từ việc làm của mình, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Sóc Sơn đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên chỉ cần thiết áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về dân sự: Anh K đã nhận lại điện thoại, anh không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường chiếc sim điện thoại và 260.000đ, do vậy buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 260.000đ là tiền do phạm tội mà có.

[9] Chị L không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000đ, do vậy buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có này để sung quỹ nhà nước. Tại phiên tòa bị cáo M xác định chi trả cho bị cáo H 500.000đ từ số tiền 2.000.000đ, bị cáo H nhất trí. Do đó buộc bị cáo H phải nộp lại 500.000đ, bị cáo M phải nộp lại 1.500.000đ.

[10] Ngày 22.11.2017 bị cáo M đã nộp 1.500.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai thu số 0000141, bị cáo M còn phải nộp tiếp 260.000đ để sung quỹ nhà nước.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đức M** phạm tội Trộm cắp tài sản, bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc Hội, xử phạt: **Nguyễn Đức M 07**(bẩy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **14** (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức M cho UBND xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 250, Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc Hội, xử phạt: **Nguyễn Văn H 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục.

- Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Buộc Nguyễn Đức M phải nộp 1.760.000đ, M đã nộp 1.500.000đ tại biên lai thu số 0000141 ngày 22.11.2017, M phải nộp tiếp 260.000đ (Hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

+ Buộc Nguyễn Văn H phải nộp lại số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

+ Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các bị cáo đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ. Chị L chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc

Nơi nhận:
- VKS huyện Sóc Sơn;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn(để thi hành);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.